



PHẦN I



MỞ ĐẦU CÂU CHUYỆN
TRƯỚC CỬA NGÕ LỊCH SỬ

THÁNG NĂM VÀ ĐẤT NƯỚC



Ra đời trong trời đất, sống giữa muôn vật, con người phải tìm hiểu đất trời, muôn vật. Không tìm hiểu thì không sống nổi. Hiểu được loài vật và cây cỏ, con người mới biết chống lại thú dữ, săn mỗi lấy thịt, tránh hái quả độc, tìm trái trái lành. Hiểu núi sông, đất đá, con người mới biết trèo núi, lội sông, đi tìm miếng ăn, biết ghè đẽo đá làm đồ dùng và vũ khí thô sơ, để đào được củ nhiều hơn, săn được thú nhiều hơn. Như vậy, từ buổi đầu, con người đã *học tập*. Học cho biết để làm. Giải thích để cải tạo. Vừa làm vừa học. Làm đến đâu, học đến đấy. Học tập bằng mắt nhìn: *quan sát*. Học tập bằng tay làm: *lao động*.

Khi trời đất được chiếu sáng thì con người mới nhìn thấy muôn vật, mới có thể đi lại kiếm miếng ăn. Khi ánh sáng tắt, không kiếm ăn được, con người nghỉ ngơi, ngủ một giấc lấy lại sức, chờ lúc trời đất lại sáng. Như vậy, ngay từ đầu, con người đã phân biệt

ngày sáng và *đêm* tối. Ngày *đêm* cứ thay phiên nhau; ngày là lúc con người làm việc, *đêm* là lúc người nghỉ ngơi. Ban ngày nhìn lên trời, con người loá mắt vì ánh sáng *mặt trời*. Ban *đêm*, *mặt trời* không còn nữa, nhưng nhiều *đêm* trên bầu trời lại hiện ra *mặt trăng* và các *vi sao*. Trong trí óc của họ, con người thuở ấy đã gắn *mặt trời* với ngày, *trăng sao* với *đêm*.

Mặt trời không đứng một chỗ. Nó hiện ra, từ từ vượt qua bầu trời, rồi biến mất. Trời vừa hừng, con người đã tỉnh giấc. Đất đã rạng, nhưng còn mát mẻ. *Mặt trời* càng vượt qua bầu trời, trời đất càng sáng tỏ, nhưng càng nóng lên. Kịp đến khi *mặt trời* ở đỉnh đầu thì nóng nhất. *Mặt trời* vẫn tiếp tục chuyển chỗ, càng chuyển trời đất càng bớt nóng, cho đến khi *mặt trời* vượt hết bầu trời để rồi mất tích sau rừng non xanh. Căn cứ vào vị trí từng lúc của *mặt trời*, con người phân biệt các buổi: buổi *sáng*, buổi *trưa*, buổi *chiều*. Từng hoạt động của con người có lúc thật ngắn ngủi: nói một câu, bắn một mũi tên, lấy một tổ ong, chặt một cành cây... Để ghi nhớ những hoạt động ngắn ngủi ấy, con người quy mỗi việc đã làm vào một buổi, một lúc nào đó: Cô gái ra suối lấy nước khi *mặt trời* vừa mọc, ông lão ăn vào buổi *trưa*, chàng trai bắn chết con sóc này đúng vào lúc *mặt trời* chỉ còn cách *mặt đất* khoảng hai con sào...

Mặt trời không ngừng chuyển động. Nhưng, dù vào buổi nào, nheo mắt nhìn lên trời, con người vẫn thấy *mặt trời* giữ nguyên hình tròn. *Mặt trăng* không thế. Có *đêm trăng* chỉ nửa vầng, đã vậy lại rất mỏng, như viền móng tay con người. Thế rồi, cứ qua từng *đêm*, từng *đêm* một, *trăng* lớn lên, dày ra, to dần, cho đến khi trở thành một *mặt* tròn vầng vầng, toả ánh dịu mát, sáng tỏ gần như ngày. Rồi, mỗi *đêm* *mặt trăng* mỗi khuyết đi, lẹm dần, lẹm dần cho đến khi chỉ còn là một vầng mỏng như viền móng tay. Tiếp theo là *đêm* không *trăng*: *mặt trăng* biến đâu mất, trời đất tối như bưng. Cứ thế “ông *trăng* khuyết”, “ông *trăng* lại tròn”. Mỗi kì từ lần khuyết

này đến lần khuyết kia, là *một tuần trăng* là 29 đêm - ngày, là một tháng. Hoạt động của con người có lúc dài hơi, diễn ra qua nhiều đêm - ngày. Trong trường hợp đó, phải căn cứ vào tuần trăng: bầu đoàn chúng tôi từ chân núi ra đi vào buổi trăng non, cứ ngày đi đêm nghỉ, hôm nay đến bờ biển thì trăng vừa tròn...

Nhưng, ngay từ buổi đầu, hoạt động của con người không chỉ trôi theo ngày đêm và tuần trăng. Có việc diễn ra qua rất nhiều tuần trăng, ví như cuộc đời của một con người, từ thuở mới sinh ra, lớn lên, già đi, rồi chết. Chưa có khoa học để tính lịch như ngày nay, con người thuở ấy chỉ biết dõi theo những biến đổi đều kì của muôn vật quanh mình. Có lúc đất trời ấm áp, cây cỏ tốt tươi, hoa nở đầy rừng. Nhưng rồi trời đất nóng dần, hoa không còn, những cây đậu quả, thỉnh thoảng có mưa đông, sông nước tràn bờ. Nắng dịu đi, cho đến khi trời đất mát hẳn, bầu trời một màu xám xám. Cứ thế, trời đất mát dần, mát dần, rồi chuyển sang lạnh ngắt, mưa phùn rả rích. Chỉ bằng quan sát cảnh vật, con người dần dần hiểu được các *mùa*, cứ qua bốn mùa trôi qua thì hơn 12 tuần trăng cũng trôi qua theo. Như thế, con người đã phát hiện ra năm, mỗi năm gồm bốn mùa, hay 12 tuần trăng, hơn 12 tháng. (Sau này, để tính cho tròn, có năm 12 tháng, có năm *nhuận*, thêm một tháng nữa là 13.) Từ lúc sinh ra cho đến lúc chết, con người trải qua nhiều năm, nhiều lần 12, 13 tuần trăng, cứ mỗi năm tính là một *tuổi*.

Buổi, ngày đêm, tuần trăng, hay tháng, mùa, năm. Buổi ngắn hơn ngày, ngày ngắn hơn tuần trăng, tuần trăng ngắn hơn mùa, mùa ngắn hơn năm. Cứ thế, ngày lại ngày, năm lại năm, nhiều năm nối tiếp nhau, con người càng đông lên, tinh khôn hơn, hiểu biết thêm muôn vật quanh mình, làm ra nhiều đồ dùng và công cụ mới để càng no ấm hơn. Trong trí óc, con người gắn mỗi hoạt động của mình vào một buổi, một ngày, một tháng, một mùa, một năm nào đấy. Ngày - đêm - năm - tháng trôi qua, như nước dòng sông chảy xuôi không trở lại. Ngày nay, ta gọi những ngày - đêm - năm - tháng

liên tiếp như thế ấy là *dòng thời gian*. Con người gắn những hoạt động của mình vào dòng thời gian, khác nào người đi dò ghi vào trí nhớ những bến bờ, làng mạc, chợ búa nối tiếp nhau bên dòng sông. Ngày nối ngày, năm tiếp năm... dòng thời gian có bao giờ chấm dứt! Nhưng, chưa có lịch thì làm sao phân biệt năm này với năm kia? Ngay gần đây, người Mơ Nông ở Tây Nguyên còn ghi nhớ từng năm theo vị trí phát nương. Mỗi năm, dân làng lại đến một khu rừng hoang để phát nương mới: họ bảo rằng đến “ăn” khu rừng ấy. Các sự việc xảy ra trong năm, họ đều gắn với khu rừng mới khai phá: chú bé này sinh vào thời chúng tôi “ăn” khu rừng này, hai anh chị kia lấy nhau hồi chúng tôi “ăn” khu rừng nọ.

Như vậy, người Mơ Nông không chỉ gắn từng hoạt động của họ vào dòng thời gian, mà còn gắn với một nơi, một chỗ nhất định trên mặt đất. Không riêng người Mơ Nông, mà tổ tiên của chúng ta thuở xa lắc xa lơ cũng không thể làm khác được. Vì mỗi hoạt động của họ đều diễn ra trong một khu rừng, hay bên một con sông, dưới chân một dãy núi, trên một vùng đất nào đó... Vì mỗi cộng đồng người đều sinh hoạt trong một khoảng trời đất nhất định, với những quả núi, dòng sông, cánh rừng cụ thể, với một phong cảnh quen thuộc: đó là *không gian* của cộng đồng người. Con người gắn bó với không gian của họ, không phải chỉ vì quen mắt, mà vì khoảng trời đất ấy, những cánh rừng và núi sông ấy nuôi sống họ: ở đây, họ thuộc lòng từng đường đi lối lại, thuộc tính nết của thú mồi, thuộc từng chòm cây sắn chim, thuộc từng khúc sông lăm cá... Cuộc sống đi săn, đánh cá, đào củ nhiều khi buộc cộng đồng người rời chỗ ở cũ ra đi, tìm nơi ở mới. Nhưng lòng gắn bó với mảnh đất đã từng nuôi sống họ qua nhiều đời không vì vậy mà phai nhạt. Dù nhiều khi không mong gì quay lại, lòng họ vẫn hướng về mảnh đất quê hương: hướng về bằng những câu chuyện thường là huyền hoặc mà họ đặt ra để ca tụng nơi chôn rau cắt rốn của cộng đồng người.



Con người, không ngừng tiến lên, mỗi ngày mỗi hiểu thêm muôn vật, mỗi biết rõ thêm cỏ cây và cầm thú. Sau một thời gian dài, hàng chục vạn năm, từ đào củ, hái rau và săn thú, cộng đồng người dần dần chuyển sang trồng trọt và chăn nuôi. Cách kiếm ăn mới càng đòi hỏi hiểu biết kĩ muôn vật, để sắp xếp thời gian làm việc: vãi hạt thóc ra để mong giờ đây có gạo ăn, không phải cứ rồi lúc nào vãi lúc ấy, mà phải theo thời tiết từng lúc. Nghề nông buộc con người phải *trông trời, trông đất, trông mây, trông mưa trông gió, trông ngày trông đêm*, quan sát trời đất thực tỉ mỉ, để định ra *lịch* làm ăn từ đầu đến cuối năm. Hiện nay, những người làm khoa học đang có hi vọng phát hiện ra cách tính lịch thời xưa của các tập thể đã từng sinh sống trên đất nước ta. Nghề nông còn đòi hỏi phải chống lụt hàng năm, phải dẫn nước kịp thời vào các mảnh đất trồng trọt. Từng nhóm nhỏ không đủ người đủ sức để đắp đê, đào mương. Các tập thể, vốn sống lẻ tẻ, phải hợp thành những tập thể lớn hơn, đông hơn. Nghề nông không chỉ nuôi con người no đủ hơn trước, mà còn tạo ra lương thực thừa, của cải thừa. Và điều

đó không thể không gọi lòng tham của các thủ lĩnh - những người được tập thể giao cho nhiệm vụ trông nom công việc chung. Trong tập thể, họ dựa vào uy tín sẵn có mà tự cho mình được hưởng nhiều quyền, nhiều lợi, thậm chí còn bắt kẻ khác làm cho mình hưởng. Họ lôi kéo mọi người đi đánh nhau với các tập thể khác để cướp lương thực và của cải. Cứ mỗi lần đánh thắng tập thể khác, bắt tập thể thua trận phải phục tùng mình, là mỗi lần khu vực của tập thể thắng trận được mở rộng: không gian của họ to rộng mãi lên, theo đà của những cuộc đánh nhau giữa các tập thể. Và theo đà của các cuộc trao đổi kinh tế và văn hoá.

Xung đột không phải hiếm, nhưng các tập thể ấy vốn ở cạnh nhau trong một khu vực lớn, nói những thứ tiếng không xa nhau mấy, chung nhau một lối sống, thường xuyên đi lại với nhau, cùng nhau trao đổi lương thực thừa, nhiều lần chung nhau đắp một con đê dài, đào một mạng lưới mương máng phức tạp... Vì vậy, mỗi khi có những người lạ mặt từ xa kéo đến, định chiếm vùng đất mầu mỡ của họ, là họ quên ngay các hiểm khích nhỏ, liên kết nhau lại thành một lực lượng lớn để đương đầu với kẻ thù chung. Chẳng thế mà từ thời rất xưa tổ tiên chúng ta đã truyền miệng câu chuyện Thánh Gióng đánh giặc Ân. Cứ vậy, qua bao đời không còn ai nhớ nữa, nhiều tập thể lảng giềng đã được đúc lại thành một tập thể thống nhất, lớn hơn trước nhiều, mạnh hơn trước nhiều, dưới quyền của một thủ lĩnh tối cao. Nước đã ra đời, trên có *vua* Hùng, dưới có *dân* Lạc. Đến đây, không gian của họ mở ra rất rộng, bao gồm tất cả những không gian nhỏ của các tập thể nhỏ trước kia. Không một người dân nào đi hết được vùng đất của nước họ, nhưng họ hiểu rằng họ phải bảo vệ vùng đất ấy, không để cho người ngoài phạm vào khoảng trời đất ấy, nếu họ muốn được cùng vợ con, làng xóm yên lành làm ăn. Bên cạnh tình họ hàng, tình láng giềng, còn có tình đất nước nữa: tình cảm của con người lớn rộng theo không gian của con người.

Đất nước rộng dần, dân nước đông dần, vua không thể đến từng xóm, gặp từng nhà. Muốn thu thóc, muốn lấy người đắp đê và đào mương, muốn tuyển quân đi đánh giặc, vua phải dựa vào các thủ lĩnh của từng vùng, từng nơi. Vua và các thủ lĩnh họp thành *nhà nước* đầu tiên. Nắm nhà nước trong tay, vua lấy một phần của cải của dân, bắt dân phục dịch mình. Nhưng, nắm nhà nước vua mới tổ chức được những công việc có ích chung, mới lấy được người được của để bảo vệ đất nước. Vua và các thủ lĩnh, cùng những người giúp việc họ, không tự mình cày cấy, không ra tay chăn nuôi. Họ làm một thứ công việc mới lạ và phức tạp: quản dân, tổ chức dân. Nhà nước phải ghi nhớ nhiều việc, ghi nhớ để rút kinh nghiệm, để truyền cho dân biết mà làm, ghi số thóc thu được và chi ra, ghi số làng mạc phải quản... Chẳng những thế, còn phải ghi những thành tích to lớn của đất nước, dù là đắp đê hay khai phá đồng lầy, và nhất là ghi lại những lần đánh đuổi kẻ thù, ghi để làm nức lòng dân, để con cháu đời đời không quên giữ gìn đất nước. Thoạt tiên, ghi bằng trí nhớ và truyền đầu của miệng. Qua nhiều miệng, nhiều đời, sự việc vốn có thực lại đèo thêm nhiều chi tiết huyền hoặc; đó vẫn là *truyền thuyết*. Khi đã có chữ thì ghi thành sách. Với chữ viết, sự việc được ghi lại, tuy lắm khi cũng bị vua và các thủ lĩnh bóp méo, nhưng vẫn gần với sự thực ban đầu hơn: *lịch sử* viết ra đời. Khoa học ngày nay chưa tìm ra được chữ viết của tổ tiên ta thời xa xôi ấy. Chỉ biết rằng, khi đã tiếp xúc với văn minh Trung Quốc, ông cha chúng ta đã học và dùng chữ viết của nước láng giềng ấy. Rồi về sau, dân ta mới dựa vào chữ Hán mà làm ra chữ Nôm. Nhưng, dù ghi bằng trí nhớ hay bằng chữ viết, mỗi việc ghi lại đều được quy vào một thời, một buổi, trên dòng thời gian. Nghề nông ngày càng phức tạp, công việc của nhà nước cũng vậy, phải có lịch đúng hơn trước, tỉ mỉ hơn trước. Cùng với chữ viết, cha ông ta cũng đã học và dùng lịch của Trung Quốc, mà chúng ta quen gọi là *Âm lịch*. (Đến nay, dân ta vẫn

ăn Tết vào ngày mở đầu năm Âm lịch). Trừ ngày Tết ra, trong mọi công việc khác, làm ăn, học hành, hội họp, đánh giặc... nước ta đã quen dùng *Dương lịch*. Dương lịch là lối tính năm tháng của người châu Âu, truyền qua nước ta chưa lâu lắm. Dương lịch đúng hơn, tiện dùng hơn so với Âm lịch. Dương lịch chia một năm ra 12 tháng: từ nay, tháng không khớp với tuần trăng nữa. Mỗi tháng là 31, 30, hoặc 28 ngày - đêm, tổng cộng cả năm là 365 ngày - đêm (năm nhuận thì có 366 ngày - đêm). Thực ra, Âm lịch của Trung Quốc cũng đã chia năm thành 12 tháng, nhưng tháng âm lịch chỉ có 30 hoặc 29 ngày - đêm, tổng cộng cả năm chỉ 360 ngày - đêm, không khớp với vòng quay của quả đất quanh mặt trời (vì vậy, cứ vài năm phải thêm một tháng nhuận). Nhưng, tuổi tác của một nước thường là hàng nghìn năm. Để tiện tính, phải cắt dòng thời gian thành những khoảng khá dài; vẫn theo dương lịch, cứ 100 năm là một *thế kỉ*, cứ 1.000 năm là một *thiên niên kỉ*.

Để phân biệt năm này với năm kia, người ta lại gán cho mỗi năm một con số thứ tự, nói một cách khác là phải đếm từng năm một, từ năm thứ nhất cho đến vô cùng. Nhưng, ai mà biết được năm nào là năm thứ nhất! Thời gian là một dòng không dứt, không biết bắt nguồn từ đâu và trôi đến đâu. Đành phải chọn bất cứ một năm nào đó, thống nhất với nhau lấy năm ấy làm chuẩn, xem đấy là năm đầu tiên. Căn cứ vào truyền thuyết của dân tộc *Do Thái*, dương lịch đã chọn một năm cách đây 1.974⁽¹⁾ năm làm chuẩn, làm năm thứ nhất, năm 1, năm mở đầu cho Công lịch kỉ nguyên, gọi tắt là *công nguyên*. Hiện nay, chúng ta đang sống trong năm 1974 của công nguyên, tức là ở đầu thiên niên kỉ thứ 3 của công nguyên. Điều đó hoàn toàn không có nghĩa rằng trước năm 1, trước công nguyên, chưa có loài người, chưa có lịch sử. Khoa học cho biết rằng con người đã có mặt trên quả đất này từ hàng triệu năm trước

(1) Thời điểm tác giả viết sách.